TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Số: /PTSNT-BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Dịch Vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Dịch Vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh
DN: 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2900428497, cn=Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Dịch Vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, st=Nghệ An, c=VN
Date: 2022.03.29 14:40:42 +07'00'

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Kính thưa các Quý Cổ đông, các Quý vị đại biểu!

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty PTS Nghệ Tĩnh và các quy định pháp luật liên quan, thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, đề xuất một số định hướng trong năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2021

Năm 2021, đại dịch Covid - 19 tiếp tục thay đổi toàn diện bức tranh nền kinh tế - xã hội toàn cầu nói chung và Công ty PTS Nghệ Tĩnh nói riêng, Hội đồng quản trị đã điều chỉnh linh hoạt các mục tiêu, định hướng, tạo điều kiện để Ban Điều hành triển khai các giải pháp nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh theo đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ 2021 thông qua, đảm bảo việc làm cho người lao động.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Với việc kiên trì những mục tiêu và giải pháp đề ra từ đầu năm, thực hiện điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, thích ứng kịp thời với điều kiện thị trường và tác động của đại dịch, Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã đạt được những kết quả tương đối khả quan, đặc biệt là hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2021 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua bằng Nghị quyết ngày 19/4/2021.

2.1. Về nhân sự HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty PTS Nghệ Tĩnh tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên Hội đồng quản trị điều hành, 01 thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập, danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Mạnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
3	Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
4	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Hoàng Văn Tuyến	Thành viên HĐQT

2.2. Về tổ chức các cuộc họp của HĐQT:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên dự họp tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

Tỷ lệ thành viên HĐQT tham dự các phiên họp định kỳ năm 2021 như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT	04	100%
2	Ông Mạnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT	04	100%
3	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	04	100%
4	Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT	04	100%
5	Ông Hoàng Văn Tuyến	Thành viên HĐQT	04	100%

2.3. Đánh giá về các mặt hoạt động của HĐQT năm 2021:

- Phân phối lợi nhuận năm 2021: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng nội dung của Nghị quyết đại hội;

- Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT năm 2021: Trong năm, HĐQT đã tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT số tiền là 1.619.016.000 đồng, thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021;

- Tổ chức 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các phiên họp;

- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty dịch vụ Xăng dầu Petrolimex;

- Ban hành các Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ, Nghị quyết về các vấn đề lấy ý kiến các Thành viên HĐQT;

- Thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Doanh nghiệp theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đã được Điều lệ Công ty quy định.

3.4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT trong năm 2021 như sau:

- *Phương thức giám sát:*

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời tiến hành trao đổi và chất vấn các hoạt động của Giám đốc và/hoặc thành viên Ban Điều hành trong việc lập chiến lược, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT cùng với Giám đốc đã thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp HĐQT để tìm ra và giải quyết khó khăn, nhằm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

- Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban kiểm soát, HĐQT đã đưa ra các ý kiến đóng góp với Giám đốc và Ban Điều hành nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý doanh nghiệp.

- HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về các nội dung thuộc thẩm quyền để Giám đốc và Ban Điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

- *Kết quả giám sát:*

- Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của HĐQT.

- Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt việc điều hành kinh doanh của Công ty.

- Trong quá trình điều hành, Giám đốc và Ban Điều hành Công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT.

3.5. *Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị*

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	080-2021/PTX-NQ-HĐQT	03/3/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
2	214/PTX-NQ-HĐQT	21/5/2021	Nghị quyết HĐQT về việc chia cổ tức năm 2021	100%
3	488/PTSNT-QĐ-HĐQT	27/12/2021	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	100%

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021:

+ Lợi nhuận trước thuế: 11.417 triệu đồng, đạt 175% kế hoạch;

+ Lợi nhuận sau thuế: 9.107 triệu đồng;

+ Tỷ lệ chia cổ tức trình Đại hội: 10%;

+ Thu nhập bình quân: 8,3 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản trị kinh doanh để nâng cao sản lượng kinh doanh xăng dầu;

- Quản trị tốt công nợ khách hàng trong điều kiện sản lượng bán buôn vẫn có mức tăng trưởng mạnh;

- Thực hiện tốt việc đầu tư chiều sâu mảng lưới bán lẻ, đã hoàn thành việc mở rộng, nâng cấp các cửa hàng bán lẻ, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn bán hàng của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;

- Hoàn thiện các thủ tục để xây dựng sân tập lái Hưng Đông;

- Hoàn tất công tác xin cấp phép xây dựng kho Nhiên liệu Bay phía sau Văn phòng Công ty;

- Quy hoạch hệ thống phương tiện vận tải trong điều kiện thị trường vận tải Lào ngày càng co hẹp, nâng cao thị phần vận tải Nội địa. Tăng cường công tác quản trị con người và phương tiện đối với mảng kinh doanh vận tải Nhiên liệu bay, có định hướng mở rộng thị phần để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

Với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức năng

nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc giám sát đối với Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu chủ yếu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 đã được hoàn thành tốt, tạo điều kiện cho việc phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Đồng thời, chúng tôi cũng nhận thấy rằng mặc dù còn một số mặt chưa đạt được yêu cầu như mong muốn của từng thành viên HĐQT, của Quý cổ đông và của tập thể người lao động trong Công ty. Một số thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, phân tán nên đôi khi chưa đôn đốc sát sao công tác quản lý điều hành Công ty, tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Công ty thấp khiến cho công tác đầu tư gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy chúng tôi vẫn mạnh dạn báo cáo trước Quý cổ đông rằng HĐQT Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu mà ĐHĐCĐ năm 2021 đã giao.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2022

Trong năm 2022, đại dịch Covid - 19 vẫn chưa thể chấm dứt, sẽ tiếp tục tác động sâu sắc đến bức tranh kinh tế toàn cầu, cơ chế kinh doanh xăng dầu và vận tải sẽ có nhiều biến động, thị trường kinh doanh vận tải Lào tiếp tục gặp nhiều khó khăn, những bất ổn về kinh tế chính trị thế giới, tình hình chiến sự tại Ukraina ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2021, trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đặc điểm tình hình trong thời gian tới, Hội đồng quản trị đề ra định hướng cho năm 2022 như sau:

- Chỉ đạo sát sao để triển khai thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Quyết liệt trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; nâng cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông. Một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính cơ bản năm 2022 như sau:

+ Tổng doanh thu:	1.441 tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	8,78 tỷ đồng
+ Tổng giá trị đầu tư:	55,8 tỷ đồng
+ Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến):	10 %.

- Mục tiêu chiến lược:

Xây dựng Công ty PTS Nghệ Tĩnh vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giỏi năng lực chuyên môn, năng động, sáng tạo.

- Một số giải pháp trọng tâm:

+ Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo công tác tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

+ Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

+ Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty trong tình hình mới, đặc biệt là khi Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung.

+ Tiếp tục đánh giá lại hệ thống công cụ quản lý: Phần mềm, thiết bị quản lý,..để có giải pháp đầu tư, thay thế đồng bộ với hệ thống quản lý của Tập đoàn nhằm nhất quán trong hệ thống Petrolimex, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công việc. Tập trung hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý CHXD, hệ thống TTKDTM,... để tạo sự khác biết với bên ngoài và tăng hiệu ứng nhận diện Petrolimex (Egas, Agas; hệ thống TTKDTM....).

+ Phối hợp thường xuyên với Công ty PA để triển khai xây dựng kho Nhiên liệu Bay tại Văn phòng Công ty.

+ Xây dựng phương án tiền khả thi, đánh giá chi tiết hiệu quả, chi phí phát sinh khi xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty.

+ Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương - thưởng đối với người lao động.

+ Thực hiện các chức năng quản lý Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

+ Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng chức năng và quyền hạn, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém nhằm cùng với Ban Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với kỳ vọng của các Quý cổ đông.

Kính thưa các Quý cổ đông và Quý đại biểu!

Trên đây là báo cáo của HĐQT tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022, chúng tôi mong muốn rằng các Quý cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn, đưa lại hiệu quả kinh doanh và gia tăng cổ tức cho cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, các cơ quan chức năng của tỉnh Nghệ An, Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex cùng

các đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty PTS Nghệ Tĩnh trong những năm qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Petrolimex nói chung và Công ty PTS Nghệ Tĩnh nói riêng.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

Cảm ơn và trân trọng!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thành

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Số: /PTX-BC-BGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính thưa Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu!

I. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021

1.1.Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm 2021

Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2021 vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do đại dịch. Tuy các nước trên thế giới triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19, để mở cửa trở lại nền kinh tế. Nhưng với những biến chủng mới và tốc độ triển khai vắc-xin và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia gây áp lực đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi những tháng cuối năm, nhưng có xu hướng chậm dần, giá nhiều mặt hàng tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng. Ngoài ra, đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm cho giá nguyên liệu sản xuất tăng là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia.

Trong nước, những tháng đầu năm 2021, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định và bắt đầu khởi sắc. Tuy nhiên, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trước tình hình đó, với sự quyết tâm cao nhất của cả hệ thống chính trị, nhân dân cùng cộng đồng doanh nghiệp và lực lượng tuyến đầu chống dịch, vừa tập trung phòng chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội. Nên tốc độ tăng tổng sản phẩm (GDP) năm 2021 của Nghệ An đạt 6,2%, Hà Tĩnh là 5,02%.

1.2. Những kết quả sản lượng kinh doanh đạt được:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện		Tỷ lệ (%) thực hiện 2021 so với	
				2020	2021	Cùng kỳ năm/quý trước	Kế hoạch
I	**Sản lượng chủ yếu**						
I.1	Khối lượng luân chuyển	m^3km	58.048.708	55.765.141	50.634.973	91%	87%
	Sản lượng vận chuyển	m^3	624.058	594.727	586.088	99%	94%
I.2	Hóa dầu	lit	130.000	131.330	143.439	109%	110%

I.3	Gas	kg	605.000	561.805	470.809	84%	78%
I.4	Bảo hiểm	Tr.đ	1.470	1.466	1.792	122%	122%
I.5	Nước Giặt	Can	4.210	4.210	5.096	121%	121%
I.6	Học viên đào tạo lái xe	Học viên	9.141	10.600	7.452	70%	82%
	Hạng A 1	Học viên	6.000	7.536	4.577	61%	76%
	Hạng B1. B2. C	Học viên	3.141	3.064	2.875	94%	92%
I.2	Sản lượng bán xăng dầu	m^3	65.410	66.547	71.580	108%	109%
a	Bán buôn	m^3	17.700	17.267	21.722	126%	123%
b	Bán lẻ	m^3	45.950	47.583	48.354	102%	105%
c	Nội dụng	m^3	1.760	1.697	1.504	89%	85%

Nhìn chung trong năm 2021, tuy môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn, nhưng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty, HĐQT, ban Giám đốc Công ty và sự kết hợp sức mạnh trong hệ thống, Công ty vẫn đạt được một số kết quả nhất định:

a. Lĩnh vực vận tải xăng dầu.

Tổng sản lượng vận tải năm 2021 đạt: 50,634,973 m^3km, đạt 87% kế hoạch, giảm 9% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Vận tải Lào: 6.456.294 m^3km, đạt 54% KH, giảm 42% so với cùng kỳ.

+ Vận tải Nội địa: 38.947.597 m^3km, đạt 98% KH, tăng 3% so với cùng kỳ.

+ Vận tải thuê ngoài: 5.231.082 m^3.km, đạt 84% KH, giảm 4% so với cùng kỳ.

- Sản lượng vận tải Lào giảm so cùng kỳ chủ yếu do các nguyên nhân sau:

+ Sản lượng vận tải cho Công ty Petrolimex Lào: 938.418 m^3.km, đạt 16% kế hoạch, giảm 83% so với cùng kỳ. Nguyên nhân có sự giảm mạnh do khó khăn về nguồn hàng khi PLL lấy hàng từ Việt Nam (phụ thuộc chính sách bán hàng của Tập đoàn), bên cạnh đó Công ty Petrolimex Lào chủ động không thuê Công ty PTS Nghệ Tĩnh vận chuyển trong một số đơn hàng khi nguồn hàng được đáp ứng.

+ Sản lượng vận tải Tổng Công ty xăng dầu Lào - Chi Nhánh Xiengkhoang: 5.517.876 m^3km đạt 131% kế hoạch, giảm 2% so với cùng kỳ. Đạt mức tăng trưởng này do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên các cơ quan chức năng tại các Cửa khẩu của 02 nước kiểm soát chặt chẽ các nguồn hàng không chính thống, dẫn đến hệ thống các đại lý, cửa hàng bán lẻ và các khách hàng lớn tập trung mua hàng từ Chi nhánh Xiengkhoang. Ngoài ra từ đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh tại tỉnh Xiengkhoang tương đối ổn định nên các hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường (không bị hạn chế so với thời điểm cùng kỳ năm 2020). Trong 3 quý đầu năm 2021 sản lượng tăng 8% so cùng kỳ, tuy nhiên quý 4 năm 2021 do tình hình khó khăn kinh tế chung nên sản lượng tụt giảm, kéo theo sản lượng cả năm giảm 1% so cùng kỳ (m^3km).

+ Công ty Quân đội Lào: Do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại thị trường Vienchan nên Công ty Quân đội Lào chủ động mua hàng từ thị trường trong nước, dẫn đến không có đơn hàng phát sinh trong năm 2021.

- Sản lượng vận tải nội địa năm 2021:

Nhìn chung sản lượng vận chuyển nội địa năm 2021 có sự tăng trưởng nhẹ so cùng kỳ, tuy nhiên chưa đạt được kỳ vọng theo kế hoạch sản lượng, do tình hình dịch bệnh năm 2021 vẫn diễn biến phức tạp. Kết quả của các đơn vị như sau:

+ Vận chuyển Công ty XD Nghệ An: 6.051.398 m^3km đạt 89% so với KH và giảm 8% so với cùng kỳ do hệ thống bán lẻ tại các cửa hàng giảm và sản lượng bán buôn của một số khách như Xi măng Tân Thăng (cự ly 107 km) không phát sinh vận chuyển trong năm 2021. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong tháng 5, 6 diễn biến phức tạp, đỉnh điểm là tháng 7 và tháng 8 làm ảnh hưởng đến các CHXD trên trục quốc lộ 1; các CHXD trong thành phố Vinh và vùng lân cận.

+ Vận chuyển Công ty XD Hà Tĩnh: 7.700.988 m^3km đạt 103% so với KH và tăng 7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do trong năm 2021 Cơ quan Quản lý Nhà nước tăng cường quản lý và siết chặt thị trường xăng dầu, sự dịch chuyển tham gia thị trường đầu mối nguồn xăng dầu dồn về Petrolimex nên hệ thống bán lẻ tại các CHXD và khách hàng bán buôn tăng so cùng kỳ; Thời điểm tháng 6 khi Nghệ An bắt đầu áp dụng chỉ thị 16 sản lượng của Hà Tĩnh sụt giảm nhẹ, tuy nhiên từ tháng 9 trở đi Hà Tĩnh kiểm soát tốt dịch bệnh và sản lượng tăng trưởng tốt.

+ Vận chuyển Công ty XD Thanh Hóa: 16.604.117 m^3.km đạt 103% so với KH tăng 7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do kho Đình Hương dừng không cấp hàng nên chủ yếu Đội xe Chi nhánh Thanh Hóa lấy các kho Nghi Sơn, Nghi Hương và Bến Thủy. Việc tăng cường quản lý thị trường xăng dầu của Cơ quan Quản lý cũng góp phần không nhỏ làm tăng sản lượng khách bán buôn của Công ty XD Thanh Hóa lên 10% so với cùng kỳ; Địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn diễn biến khá an toàn trước dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 so với các tỉnh lân cận là một lợi thế.

+ Vận chuyển Nhiên liệu bay: Sản lượng của Công ty PTS vận chuyển mặt hàng nhiên liệu Jet A-1 cho Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex (PA) đạt 5.352.105 m^3km đạt 85% so với KH và giảm 3% so với cùng kỳ. Sản lượng các tháng không bị ảnh hưởng dịch Covid-19 (tháng 1,3,4/2021) khá tốt so với các tháng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh (tháng 2,5,6/2021). Có sự tăng trưởng nhẹ do trong quý 1/2021 (dịp tết) nhu cầu tăng cao, tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn tại Hà Nội và Hải Phòng. Tuy nhiên tháng 5 đến

cuối năm 2021 sản lượng sụt giảm mạnh do diễn biến phức tạp ở các thành phố lớn trong cả nước trong đó có Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, đường bay quốc tế vẫn chưa được mở lại rộng rãi.

b. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn, gas, nước giặt, bảo hiểm

- Tổng sản lượng xăng dầu năm 2021 đạt: 71.580 m^3, đạt 109% so với kế hoạch, tăng 8% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Bán lẻ: 48.354 m^3, đạt 105% so với kế hoạch, tăng 2% so với cùng kỳ

+ Bán buôn, bán đại lý: 21.722 m^3, đạt 123% so với kế hoạch, tăng 26% so với cùng kỳ

+ Nội bộ: 1.504 m^3, đạt 85% kế hoạch, giảm 11% so với cùng kỳ.

Sản lượng xăng dầu sáng bán lẻ đạt 105% so với kế hoạch và tăng 2% so với cùng kỳ là: do trong những tháng đầu năm 2021, dịch bệnh Covid -19 về cơ bản đã được khống chế, hoạt động lưu thông hàng hóa đã trở nên thuận lợi, nên sản lượng bán lẻ có sự tăng trưởng 9% so với cùng kỳ. Nhưng bắt đầu từ cuối tháng 4 đến tháng 8 khi dịch bệnh Covid 19 bùng phát trở lại, hai tỉnh Nghệ An – Hà Tĩnh đã áp dụng những biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế đi lại. Chính điều đó đã ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng bán lẻ của Công ty. Trong Quý 3/2021, sản lượng bán lẻ của Công ty giảm 15% so với cùng kỳ, riêng các cửa hàng nằm trong vùng phong tỏa, vùng chỉ thị 16+ sản lượng bán lẻ đều giảm mạnh như CHXD Hưng Lộc giảm 48%, CHXD Nguyễn Văn Cừ giảm 42%, CHXD Diễn Đoài giảm 41%, CHXD Trường Thi giảm 40%, CHXD Nghi Phú giảm 37%, CHXD Quỳnh Hậu giảm 34% và một số cửa hàng khác đều có mức giảm từ 20-30% so với cùng kỳ.

Về sản lượng bán buôn tăng 26% so với cùng kỳ là do trong năm 2021 giá bán lẻ xăng dầu có xu hướng tăng, nên các khách hàng đại lý và khách bán buôn công nghiệp đã chủ động lấy thêm hàng để tích trữ. Cùng với đó trong năm Công ty cũng đã lôi kéo thêm được 08 khách hàng công nghiệp tiêu thụ với sản lượng lớn từ đó giúp công ty gia tăng được sản lượng xuất bán trong năm 2021.

Mặt khác, trong năm 2021, tỉnh Nghệ An đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt là lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra đột xuất về chất lượng xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ, do đó đã hạn chế được rất nhiều hàng hóa không rõ nguồn gốc trên thị trường. Vì vậy, các khách hàng đã tập trung lấy hàng của Petrolimex để đảm bảo về chất lượng cũng như số lượng.

- Tổng sản lượng dầu mỡ nhờn: 143.439 lít, đạt 110% kế hoạch, tăng 9% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Bán buôn: 47.305 lít, đạt 148% kế hoạch, tăng 56% so với cùng kỳ

+ Bán lẻ: 78.867 lít, đạt 100% kế hoạch, giảm 5% so với cùng kỳ

+ Nội dụng: 17.267 lít, đạt 91% kế hoạch, giảm 4% so với cùng kỳ

Sản lượng bán buôn dầu nhờn năm 2021 có sự tăng trưởng lớn chủ yếu là do việc Tổng công ty hóa dầu có chương trình khuyến mại trong tháng 6 nên đã thu hút được khách hàng mua hàng nhiều hơn, cũng như khách hàng nắm bắt được các hãng dầu mỡ nhờn sẽ điều chỉnh tăng giá trong tháng 6, nên đã tăng cường nhập vào để tích trữ hàng hóa. Cùng với đó là công ty cũng khai thác được thêm 2 khách hàng công nghiệp có sản lượng tiêu thụ lớn là Công ty VLXD Miền Trung và Công ty Hương Kính.

Sản lượng bán lẻ dầu mỡ nhờn có sự sụt giảm là do từ tháng 8 khi dịch bệnh Covid 19 bùng phát trở lại, hai tỉnh Nghệ An – Hà Tĩnh đã áp dụng những biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế đi lại. Vì vậy đã kéo theo sản lượng bán lẻ dầu mỡ nhờn của các cửa hàng trong tháng 8 giảm 22% so với cùng kỳ. Ngoài ra do từ tháng 7 giá bán dầu mỡ nhờn được điều chỉnh tăng 30-40% so với đầu năm, nên cũng kéo theo sự sự sụt giảm sản lượng bán lẻ của các CHXD.

- Tổng sản lượng gas đạt: 470.809 kg, đạt 78% kế hoạch, giảm 16% so với cùng kỳ.

    + Bán lẻ: 151.646 kg, đạt 68% kế hoạch, giảm 27% so với cùng kỳ

    + Bán buôn: 319.163 kg, đạt 83% kế hoạch, giảm 10% so với cùng kỳ

Trong năm 2021 sản lượng bán lẻ Gas có sự sụt giảm mạnh là do gặp phải sự cạnh tranh lớn từ nhiều hãng gas giá rẻ trên địa bàn, giá Gas Petrolimex bình quân thường đắt hơn các hãng khác đến 130.000 đ/bình 12kg. Bên cạnh đó thì các hộ dân trước đây hay tiêu thụ gas lẻ Petrolimex thì cũng đã chuyển đổi sang sử dụng bếp từ.

Mặt khác trong Quý 3/2021, sự bùng phát trở lại của dịch bệnh Covid 19 đã ảnh hưởng rất lớn đến sự sụt giảm sản lượng gas của Công ty. Các nhà máy, nhà hàng, khách sạn, trường học có sản lượng tiêu thụ Gas lớn… đều phải đóng cửa để đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh.

- Sản lượng xuất bán nước giặt được 5.096 can, đạt 121% kế hoạch, vượt 21% so với cùng kỳ
- Sản lượng bảo hiểm được 1.792 triệu đạt 122% kế hoạch, tăng 22% so với cùng kỳ, trong đó nội dụng: 822 triệu, xuất bán 970 triệu đồng.

Nhìn chung, sản lượng bán bảo hiểm, nước giặt có sự tăng trưởng lớn là do việc Công ty áp dụng phương án khoán bán hàng đến từng đơn vi, phòng ban, cán bộ công nhân viên trong Công ty.

c. Lĩnh vực đào tạo lái xe.

- Số lượng học viên năm 2021:

Đối với đào tạo sát hạch xe máy: Hạng A1: 4.577 học viên, đạt 76% so với kế hoạch và giảm 39% so với cùng kỳ.

Đối với đào tạo sát hạch ôtô đạt 2.875 học viên đạt 92% so với kế hoạch và giảm 6% so với cùng kỳ. Trong đó: Hạng B1; B11:1.287 học viên, hạng B2: 1377 học viên, hạng C: 211 học viên.

Trong năm Trung tâm tổ chức được 15 cuộc thi tốt nghiệp và 15 cuộc thi sát hạch lái xe ô tô cho học viên Trung tâm, tổ chức 27 cuộc thi sát hạch cho đơn vị ngoài với số lượng tham gia sát hạch thực hành là 6.587 học viên ngoài.

Nhìn chung công tác tuyển sinh đào tạo và sát hạch lái xe những tháng đầu năm tương đối thuận lợi khi số lượng tuyển sinh luôn vượt cao so với số lưu lượng được cấp phép. Nhưng trong quỹ III nhằm kiểm soát dịch bệnh bùng phát, trung tâm đào tạo sát hạch đã phải dừng hoạt động (theo các văn bản chỉ đạo của Sở GTVT Nghệ An) điều này tác động lớn đến hiệu quả hoạt động của trung tâm trong năm 2021

d. Lĩnh vực cơ khí sửa chữa và kinh doanh cột bơm và các lĩnh vực khác:

Nhìn chung xưởng và trung tâm cột bơm chỉ mới đáp ứng được nhu cầu sửa chữa nội bộ, hầu như ít khai thác sửa chữa ngoài. Nguyên nhân do mặt bằng xưởng chật hẹp, ưu tiên mặt bằng cho công tác sát hạch lái xe. Trong khi đó nhu cầu lắp đặt cột bơm trên địa bàn cũng bị bão hòa.

1.3. Kết quả các loại hình kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH2021	TH 2020	% thực hiện so với	
						2020	KH 2021
II	**Tổng doanh thu, thu nhập**	Tr.đ	**1.031.335**	**1.264.433**	**963.470**	**131%**	**123%**
1	***Doanh thu thuần bán hàng, dvụ***	Tr.đ	***1.031.023***	***1.263.983***	***963.038***	**131%**	**123%**
	Trong đó	Tr.đ					
a	*Doanh thu bán hàng, DV ngoài*	Tr.đ	*994.624*	*1.226.912*	*930.583*	132%	123%
1,1	Xăng dầu	Tr.đ	847.485	1.095.684	793.131	138%	129%
1,2	Dầu nhờn	Tr.đ	5.170	7.980	6.394	125%	154%
1,3	Gas	Tr.đ	13.921	13.234	12.971	102%	95%
1,4	Vận tải	Tr.đ	95.635	83.629	90.142	93%	87%
1,5	Đào tạo lái xe	Tr.đ	31.236	26.373	27.140	97%	84%
1,6	Khác	Tr.đ	1.177	12	806	1%	1%
b	*Doanh thu bán hàng, DV nội bộ*	Tr.đ	*36.399*	*37.071*	*32.454*	114%	102%
2	***Doanh thu từ HĐ tài chính***	Tr.đ	***62***	***108***	***66***	***164%***	***174%***
3	***Thu nhập khác***	Tr.đ	***250***	***342***	***366***	***93%***	***137%***
III	**Tổng chi phí**	Tr.đ	**1.023.385**	**1.253.016**	**956.960**	**131%**	**122%**
1	Giá vốn	Tr.đ	937.179	1.162.900	871.329	133%	124%

2	Chi phí bán hàng	Tr.đ	53.610	60.441	53.147	114%	113%
3	Chi phí quản lý	Tr.đ	23.940	23.855	23.564	101%	100%
4	Chi phí tài chính	Tr.đ	8.656	5.805	8.803	66%	67%
5	Chi phí khác	Tr.đ	0	15	116	13%	
IV	**Lợi nhuận trước thuế**	Tr.đ	**7.950**	**11.417**	**6.509**	**175%**	**144%**
4,1	Vận tải	Tr.đ	1.875	-2.256	740	-305%	-120%
4,2	Xăng dầu	Tr.đ	2.102	10.336	1.231	840%	492%
4,3	Dầu nhờn	Tr.đ	102	452	95	476%	443%
4,4	Gas	Tr.đ	181	-52	155	-34%	-29%
4,5	Đào tạo lái xe	Tr.đ	3.359	2.521	3.950	64%	75%
4,6	Khác	Tr.đ	331	416	337	123%	126%
V	**Lợi nhuận sau thuế**	Tr.đ	**6.360**	**9.107**	**5.178**	**176%**	**143%**
VI	Tỷ suất LN/vốn Đlệ BQ	%	10,9	15,6	8,9	175%	143%
VII	Tỷ suất LN/vốn Đtư BQ của CSH	%	8,4	11,9	7	170%	149%
VIII	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8	10	8	125%	125%
IX	Tổng PS phải nộp NSNN	Tr.đ	6.000	11.501	9.680	119%	192%
X	Tổng quỹ lương	Tr.đ	41.531	41.648	40.098	104%	100%
X	Tổng số LĐ đến cuối kỳ báo cáo	Người	428	418	420	100%	98%
XII	Thu nhập BQ (1000đ/ng/th)	Tr.đ	8,1	8,3	8	104%	102%
XIII	Vốn điều lệ	Tr.đ	58.478	58.478	58.478	100%	100%
XIV	Giá trị đầu tư trong kỳ	Tr.đ	66.737	8.601	17.868	48%	13%

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 là: 11.417 triệu đồng, tăng 4.908 triệu đồng, bằng 175% so với cùng kỳ năm 2020; đạt 144% so với kế hoạch 2021;

Lợi nhuận năm 2021 tăng là do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận kinh doanh xăng dầu: 10.336 triệu đồng, tăng 9.105 triệu đồng bằng 840% so với cùng kỳ và bằng 492% so với kế hoạch năm 2021 do:

- Lãi gộp xăng dầu tăng 15.992 triệu so với năm 2020 trong đó:

+ Sản lượng bán buôn và bán lẻ tăng so với năm 2020 là 5.032 m^3 làm lãi gộp xăng dầu tăng 5.762 triệu so với năm 2020.

+ Chênh lệch giá hàng tồn kho và chiết khấu tăng làm tăng lãi gộp xăng dầu 10.230 triệu đồng (bình quân tăng 152 đồng/lít) so với năm 2020;

- Tổng chi phí kinh doanh xăng dầu năm 2021 là 71.766 tăng so với 2020 là 6.887 triệu đồng so với năm 2020 do các chi phí sau:

+ Chi phí tài chính xăng dầu năm 2021 là 3.029 triệu; giảm 1.882 triệu do dư nợ vay bình quân giảm làm giảm chi phí tài chính so với năm 2020;

+ Chi phí bán hàng năm 2021 là 57.911 triệu tăng 7.182 triệu đồng so với năm 2020 là do sản lượng tăng và tăng các chi phí do phòng chống dịch bệnh Covid để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty;

+ Chi phí quản lý phân bổ xăng dầu năm 2021 là 11.126 triệu tăng 1.587 triệu đồng so với năm 2020 do sản lượng bán tăng;

Như vậy do sản lượng bán tăng và do có chênh lệch giá hàng tồn kho tăng làm tăng lãi gộp 15.992 triệu đồng, đồng thời chi phí kinh doanh xăng dầu tăng 6.887 triệu nên lợi nhuận xăng dầu năm 2021 tăng 9.105 triệu so với năm 2020;

- Lợi nhuận kinh doanh vận tải năm 2021 là: -2.256 triệu đồng, giảm 2.996 triệu đồng so với 2020 và giảm 5.201 triệu đồng so với kế hoạch năm 2021; Lợi nhuận kinh doanh vận tải giảm do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu vận tải năm 2021 là 89.467 triệu đồng giảm so với cùng kỳ năm 2020 là 6.003 triệu chỉ bằng 93% so với cùng kỳ và bằng 87% so với kế hoạch năm 2021. Doanh thu vận tải giảm là do sản lượng vận tải giảm so với cùng kỳ chỉ bằng 91% so với cùng kỳ và 87% so với kế hoạch năm 2021;

- Chi phí kinh doanh vận tải năm 2021 là 91.734 triệu đồng, giảm 3.007 triệu đồng so với năm 2020 là do:

+ Chi phí kinh doanh giảm 952 triệu đồng so với năm 2019 do sản lượng vận tải giảm;

+ Chi phí tài chính phân bổ giảm 833 triệu đồng so với năm 2020 là do công nợ phải thu vận tải giảm;

+ Chi phí quản lý phân bổ giảm 1.222 triệu so với năm 2020 là do sản lượng vận tải giảm và tiết kiệm các chi phí quản lý;

Như vậy do sản lượng vận tải giảm làm giảm doanh thu vận tải là 6.003 triệu đồng và chi phí kinh doanh giảm 3.007 triệu đồng, do đó làm lợi nhuận kinh doanh vận tải giảm 2.996 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2020;

Lợi nhuận kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe năm 2021 là 2.521 triệu đồng, Giảm 1.428 triệu đồng, tức chỉ bằng 64% % so với cùng kỳ và bằng 75% so với kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận trung tâm giảm là do số lượng học viên B1, C chỉ đạt 94% so với cùng kỳ và bằng 92% so với kế hoạch do trong năm 2021 phải thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh covid. Do số lượng học viên đào tạo và sát hạch giảm nên doanh thu giảm so với cùng kỳ là 767 triệu chỉ bằng 97% so với cùng kỳ và đạt 84% so với kế hoạch;

Chi phí kinh doanh năm 2021 của Trung tâm là 23.888 triệu đồng tăng 661 triệu đồng so với năm 2020 là do chi phí phát sinh tăng phòng chống dịch covid;

Như vậy do doanh thu của Trung tâm năm 2021 giảm 767 triệu và chi phí lại tăng 661 triệu do đó lợi nhuận Trung tâm giảm 1.428 triệu đồng so với năm 2020 và chỉ đạt 75% so với kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận kinh doanh gas và dầu nhờn năm 2021 là 400 triệu đồng, tăng 150 triệu đồng so với thực hiện năm 2020 là do giá lãi gộp dầu nhờn tăng so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận xưởng và cột bơm năm 2021 là không có do các công trình sửa chữa ngoài không nhiều chủ yếu sửa chữa nội bộ cho Công ty;
- Thu nhập khác năm 2021 là 416 triệu đồng, tăng 122 triệu đồng so với năm 2020. Các khoản thu nhập khác chủ yếu là thanh lý xe và các khoản hỗ trợ đền bù;

1.4. Tình hình thu hồi công nợ:

Tính đến 31/12/2021 dư nợ phải thu khách hàng của Công ty là 8.356 triệu đồng số dư đầu năm 2021 là 23.606 triệu. Trong đó dư nợ phải thu khách hàng vận tải là 3.391 triệu; phải thu khách hàng xăng dầu là 4.965 triệu; phải thu khách hàng của Trung tâm đào tạo lái xe là 463 triệu. Trong năm 2021 Công ty đã thu gần hết số công nợ phải thu của Petrolimex Lào từ 16.846 triệu số dư đầu năm xuống còn 243 triệu số dư vào cuối năm 2021. Tình hình công nợ bán buôn và nhượng quyền thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết không để phát sinh nợ phải thu khó đòi. Công nợ phải thu tại các cửa hàng được Công ty quản lý và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cửa hàng để kịp thời đôn đốc thu hồi và có giải pháp cụ thể cho từng khách hàng tại các cửa hàng nên không để phát sinh tăng nợ phải thu khó đòi trong năm 2021;

Nợ phải thu khó đòi của Công ty tính đến 31/12/2021 là 1.019 triệu trong đó nợ phải thu khó đòi khách hàng là 966 triệu, nợ phải thu khó đòi khác là 53 triệu; các khoản phải thu khó đòi này Công ty đang phối hợp với các khách hàng để thu hồi, đối với các khoản nợ không thể thu hồi thì Công ty cũng đã làm các thủ tục khởi kiện tòa án theo quy định;

II. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

2.1. Tình hình tài sản của Công ty:

2.1.1 Tổng giá trị tài sản Công ty thời điểm 31/12/2021 là 192.338.328.670 đồng, giảm 28.731.656.832 đồng, tỷ lệ giảm 13% so với đầu năm 2020:

Trong đó gồm:

+ Tài sản ngắn hạn: 45.639.486.080 đồng

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 3.419.954.682 đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 14.534.983.978 đồng
- Hàng tồn kho: 23.494.797.423 đồng
- Tài sản ngắn hạn khác: 4.189.749.997 đồng

+ Tài sản dài hạn: 146.698.842.590 đồng

- Giá trị còn lại của tài sản cố định: 134.067.084.518 đồng

- Xây dựng cơ bản dở dang: 5.038.675.141 đồng
- Tài sản dài hạn khác: 7.593.082.931 đồng

2.1.2 Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2021:

+ Vốn chủ sở hữu: 79.893.265.524 đồng

- Vốn điều lệ: 58.476.850.000 đồng
- Vốn khác của chủ sở hữu: 326.109.150 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 11.983.667.467 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 9.106.638.907 đồng

+ Nợ phải trả: 112.445.063.146 đồng

- Nợ phải trả ngắn hạn: 110.124.063.146 đồng
- Nợ dài hạn: 2.321.000.000 đồng

2.2. Phân tích các chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn, tài sản	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
	Cơ cấu tài sản				
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản		76,27	78,22	72,1
1	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	23,73	21,78	27,9
	Cơ cấu nguồn vốn				
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		58,46	65,80	69,8
2	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,54	34,20	30,2
	Hệ số nợ				
	Hệ số nợ/ tổng tài sản		0,58	0,66	0,7
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu		1,41	1,92	2,3
3	Hệ số nợ ngân hàng/ vốn chủ sở hữu		0,84	0,37	2,8

Qua các chỉ tiêu trên thì tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn chiếm 76,27 %, tài sản ngắn hạn chỉ chiếm 23,73% tổng tài sản. Nguồn vốn chủ yếu là vốn vay và nợ phải trả chiếm 58,46% tổng nguồn vốn; vốn chủ chủ sở hữu chiếm 41,54% tổng nguồn vốn cao hơn so với đầu năm 2021.

+ Khả năng thanh toán, Khả năng sinh lời:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	năm 2020	Năm 2019
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,20	0,22	0,3
1	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,41	0,33	0,44
	Tỷ suất lợi nhuận				
2	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu Thuần	%	0,74	0,56	0,57

	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		11,9	6,9	11
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		4,73	2,34	2,86
	- Hệ số LN từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần		0,90	0,67	0,69

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.847.685 cổ phiếu

+ Cổ tức lợi nhuận được chia cho các cổ đông: 10% (1.000 đồng/cổ phần)

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Tổng giá trị đầu tư giải ngân thanh toán trong năm 2021 (gồm đầu tư trang thiết bị, phương tiện vận tải, xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn) là 8.601.449.178 đồng, trong đó cụ thể như sau:

3.1. Công tác đầu tư đã quyết toán hoàn thành trong năm đưa vào sử dụng: 4.613.919.091 đồng

+ Sửa chữa Petrolimex – Cửa hàng 144 (Nghi Thạch): 379.742.727 đồng.

+ Sửa chữa Petrolimex – Cửa hàng 150 (Hiến Sơn): 958.772.727 đồng

+ Mở rộng Petrolimex - Cửa hàng 146 (Nghi Hoa): 1.557.360.001 đồng

+ Nâng cấp và sửa chữa nhà văn phòng công ty: 843.640.909 đồng.

+ Phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương FTSHRM: 210.000.000 đồng.

+ Sửa chữa sân trung tâm đào tạo lái xe PTS: 397.402.727 đồng

+ Mua mới Cột bơm Tasuno : 267.000.000 đồng

3.2. Công tác đầu tư đang thực hiện dở dang trong năm là: 3.987.530.087 đồng

+ CHXD Nam Phúc đã giải ngân đến nay: 3.704.372.814 đồng (tư vấn thiết kế và tạm ứng hợp đồng thi công).

+ Sửa chữa, đầu tư Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS với các hạng mục trang bị hệ thống thiết bị phương tiện, mái che nhà chờ : 138.611.818 đồng

+ Xây dựng Kho Nhiên liệu bay : 144.545.455 đồng.

3.3. Đang triển khai thủ tục những dự án sau:

+ CHXD Hưng Đông mới (đường 72m, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, Nghệ An): Đã hoàn thành việc xin gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh chủ trương đầu tư (do dự án chậm tiến độ); dự kiến sẽ làm thủ tục PCCC, giấy phép xây dựng, thủ tục đấu nối giao thông và các thủ tục liên quan, triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động năm 2022.

+ Mở rộng sân tập lái tại Hưng Đông: Đã có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đang làm Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau đó làm trích lục đất đai, làm thủ tục đất đai, đền bù đất, thủ tục về PCCC, giấy phép xây dựng. Dự kiến sẽ triển khai trong năm 2022.

+ CHXD Thạch Sơn: Đã hoàn thành việc xin gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh chủ trương đầu tư (do dự án chậm tiến độ); dự kiến sẽ làm thủ tục PCCC, giấy phép xây dựng,

thủ tục đấu nối giao thông và các thủ tục liên quan, triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động năm 2022.

+ CHXD Thạch Bình (Petrolimex-Cửa hàng 104); Đây là dự án nằm trong kế hoạch thu hồi của UBND thành phố Hà Tĩnh để thực hiện dự án mở rộng thành phố Hà Tĩnh về phía Nam Cầu Phủ. Do đó nhiều khả năng trong năm 2022, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ thu hồi CHXD Thạch Bình, Công ty sẽ phối hợp với các bên liên quan để thực hiện thủ tục đền bù, chuyển vị trí CHXD sang địa điểm khác.

+ Kho nhiên liệu bay: Đang phối hợp với Công ty PA để tiếp tục triển khai các thủ tục tiếp theo.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2022 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	% KH 2022 so với TH 2021
1	Sản lượng thực hiện			
-	**Xăng dầu**	m^3	**73.225**	**102%**
+	Bán lẻ	m^3	48.837	101%
+	Bán buôn, đại lý	m^3	22.808	105%
+	Nội dụng	m^3	1.580	105%
-	**Dầu mỡ nhờn**	Lít	**148.290**	**103%**
-	**Gas**	Tấn	**494**	**105%**
-	**Bảo hiểm**	Tr.đ	**1.755**	**98%**
-	**Nước giặt**	can	**5.330**	**105%**
-	Vận tải	m^3.km	53.008.479	105
-	**Đào tạo lái xe**	Học viên	**8.161**	**110%**
+	Học viên A1	Học viên	5.000	109%
+	Học viên B	Học viên	2.905	109%
+	Học Viên C	Học viên	256	121%
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.441.147	114
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	8.783	77
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	100
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	55.811	649

4.2. Các giải pháp thực hiện:

4.2.1. Về lĩnh vực vận tải:

- Không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, đảm bảo 100% thị phần vận tải cho hệ thống bán lẻ Petrolimex.

- Cơ cấu hệ thống phương tiện vận tải hợp lý, điều hành phương tiện linh hoạt, khai thác tốt năng suất phương tiện để đạt hiệu quả cao.

- Rà soát hệ thống định mức, cơ cấu giá thành vận tải, đưa ra định mức kinh tế kỹ thuật khoa học và hiệu quả, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục tìm kiếm thị trường vanạ tải ngoài thị trường vanạ tải chỉ định thầu

4.2.2. Về lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, DMN, Gas:

- Nắm bắt tốt thông tin thị trường, kịp thời đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp với từng thời điểm.

- Tổ chức quyết liệt công tác kinh doanh Gas, dầu mỡ nhờn, bảo hiểm, phấn đấu gia tăng sản lượng bán ra. Chú trọng các hình thức chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng truyền thống.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hệ thống cửa hàng, đảm bảo quy trình bán hàng văn minh, thương mại, gìn giữ mô trường cửa hàng xanh, sạch, đẹp, Đề xuất các chính sách bán hàng linh hoạt, thu hút khach hàng, tăng năng suất bán lẻ.

4.2.3. Về Công tác an toàn vệ sinh lao động, BVMT và PCCC.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong SXKD, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

- Kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất các cơ sở như xưởng cơ khí, kho gas, dầu mỡ nhờn, hệ thống công nghệ các cửa hàng hay phương tiện vận tải…

4.2.4. Công tác quản trị nội bộ:

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, quy chế của Công ty.

- Triển khai đầu tư hệ thống phần mềm quản trị Công ty đồng bộ với hệ thống của ngành, theo xu hướng điều độ tập trung về vận tải, sử dụng hệ thống sinh thái của Tập đoàn.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, nhằm phát huy sở trường, năng lực của mỗi người, tạo nguồn cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của Doanh nghiệp.

V. KẾT LUẬN

Trong năm 2021, tuy gặp phải nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid -19, cũng như sự cạnh tranh lớn trên thị trường nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả nhất định. Trong năm 2022, dự kiến sự cạnh tranh trên thị trường còn lớn hơn, nhiều yếu tố khách quan; sự biến động của giá xăng dầu thế giới sẽ ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Dự kiến những khó khăn; kế hoạch đã đạt ra cộng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên trong Công ty và sự phối

hợp chặt chẽ sức mạnh trong hệ thống Petrolimex, Công ty PTS Nghệ Tĩnh sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đặt ra trong năm 2022 mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Khoản a Điểm 1 Điều 36 Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2021;

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn và danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, cụ thể như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2022;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và ủy quyền Hội Đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt CPA (An Viet)
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA);
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn TCKT và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH NĂM 2021

***Kính thưa*:**
- Các Quý vị đại biểu
- Các Quý vị cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty PTS Nghệ Tĩnh gồm 3 thành viên:

1. Ông Trần Anh Tuấn – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm soát viên
3. Ông Thái Văn Linh – Kiểm soát viên (bổ nhiệm thay ông Trần Thanh Sơn ngày 19/4/2021)

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành, đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực, căn cứ vào điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị (HĐQT), các quy định pháp lý hiện hành. Trong năm 2021 BKS đã triển thực hiện các công việc sau:

- BKS đã xây dựng chương trình kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo khả năng chuyên môn.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Nghị quyết của HĐQT. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, rà soát công nợ khách hàng, chi phí kinh doanh, lao động tiền lương, thực hiện kế hoạch đầu tư, và đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị Công ty.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

2.1. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Ban kiểm soát thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	31/12/2020
I	**Tổng tài sản**		**192.338**	**221.070**
1	Tài sản ngắn hạn	Trđồng	45.639	48.146
2	Tài sản dài hạn	Trđồng	146.699	172.924
II	**Tổng nguồn vốn**		**192.338**	**221.070**
1	Nợ phải trả	Trđồng	112.445	145.455
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Trđồng	79.893	75.615
III	**Khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,41	0,33
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,2	0,22
IV	**Cơ cấu nguồn vốn**			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,5	65,8
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,5	34,2
V	**Khả năng sinh lợi**			
	Lợi nhuận sau thuế	Trđồng	9.107	5.178
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu BQ)	%	11,9	6,9
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản BQ)	%	4,4	2,2
VI	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	đồng	1.557	860

Tổng tài sản và nguồn vốn 192.338 Trđ giảm 28.732 Trđ so với đầu năm, trong đó tài sản ngắn hạn 45.639 Trđ giảm 2.506 Trđ chiếm 23,7%, tài sản dài hạn 146.699 Trđ giảm 26.226 Trđ chiếm 76,3%, nợ phải trả 112.445 Trđ giảm 33.010 Trđ chiếm 58,5%, vốn chủ sở hữu 79.893 Trđ tăng 4.278 Trđ chiếm 41,5%. So với đầu năm tài sản và nguồn vốn giảm tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu khách hàng giảm 15.250 Trđ (*Trong đó đáng chú ý là việc đã thu hồi công nợ của Công ty Petrolimex Lào 16.846 Trđ từ đầu năm còn 243 Trđ. Đây là khoản công nợ các năm trước duy trì ở mức rất cao và thời gian nợ rất dài nên cũng giảm áp lực về chi phí tài chính cho công ty*), tài sản cố định giảm 21.818 Trđ, chi phí trả trước dài hạn giảm 5.067 Trđ; Trả trước người bán tăng 3.014 Trđ, hàng tồn kho tăng 8.180 Trđ. Tương ứng, phải trả người bán ngắn hạn giảm 75.718Trđ, người mua trả trước giảm 1.382 Trđ, vay ngắn hạn tăng 39.568 Trđ, Lợi nhuận sau thuế tăng 3.982 Trđ

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 1,4 lần, giảm 0,5 lần so với đầu kỳ, vốn CSH tài trợ 42% nhu cầu vốn Công ty. Khả năng thanh toán ngắn hạn 0,41 lần. Theo cơ cấu vốn bình quân năm 2021 Công ty đang sử dụng 59% nguồn vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản cố định, tài sản ngắn hạn không đảm bảo thanh toán các khoản nợ của Công ty, với mô hình này Công ty sử dụng được nguồn vốn với lãi suất thấp nhưng lại làm gia tăng rủi ro về mặt tài chính. Cân đối nguồn vốn dài hạn và tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2021 nguồn vốn dài hạn thiếu 64.485Trđ. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2021 là 11,7%.

2.2. Kết quả triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số nhiệm vụ trọng tâm:

2.2.1 Kết quả báo cáo hợp nhất năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% so KH	% so cùng kỳ
- Sản lượng					
+ Vận tải	m^3Km	58.048.708	50.634.973	87	91
+ Xăng dầu	m^3/Tấn	65.410	71.580	109	108
+ DMN	Tấn	130	143	110	109
+ Gas	Tấn	605	471	78	84
+ Đào tạo & SH lái xe	Học viên	9.141	7.451	82	70
- Doanh thu thuần	Tr đồng	994.623	1.226.912	123	132
- Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	7.950	11.417	144	175
- Lợi nhuận sau thuế	%	6.360	9.107	143	176
- Lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	10,9	15,6	143	176
- Chi trả cổ tức dự kiến	%	10	10	100	125
- Tổng giá trị đầu tư	Tr đồng	66.737	8.601	13	48

Doanh thu thuần đạt 1.226.912 Trđ, đạt 123% KH, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế lãi 11.417 Trđ, đạt 144% KH, tăng 75% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh 11.001 Trđ chiếm tỷ trọng 96%.

Lợi nhuận sau thuế lãi 9.107 Trđ, đạt 143% KH, tăng 76% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ 15,6%, đạt 143% KH, tăng 76% so năm 2020.

Cổ tức dự kiến chi trả 10%, đạt 100% KH, tăng 25% so với năm 2020.

2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

* Lĩnh vực vận tải:

Sản lượng luân chuyển đạt 50.634.973 m³Km đạt 87% KH giảm 9% so với cùng kỳ, vận chuyển Lào 6.456.294 m³Km đạt 54% KH, giảm 48% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 13%, vận chuyển nội địa 44.178.679 m³Km đạt 96% KH, tăng 2% so với cùng kỳ

* Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, gas**:**

Sản lượng bán xăng dầu 71.580 m^3 đạt 109% KH, tăng 8% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng bán lẻ 49.857 m^3 đạt 105% KH, tăng 1% so với cùng kỳ; Sản lượng bán buôn 8.097 m^3 đạt 140% KH, tăng 43% so với cùng kỳ; Sản lượng bán đại lý/NQTM 13.626 m^3 đạt 115% KH, tăng 18% so với cùng kỳ. Năm 2021, Công ty kinh doanh bán lẻ tại 32 CHXD (*sở hữu 22 CH, thuê 10 CH*), trong đó 09 CHXD tại Hà Tĩnh, 22 CHXD tại Nghệ An và 01 CHXD tại Thanh Hóa, sản lượng bán lẻ bình quân 126m^3/tháng, năng suất bán lẻ bình quân 27m^3/tháng. Tuy nhiên, sản lượng bán lẻ bình quân tại 1 số cửa hàng còn thấp như: CHXD số 162 (Quỳnh Hậu) 38 m^3/tháng, CHXD Trúc Lâm 41 m^3/tháng, CHXD số 106 (Đại Nài) 46 m^3/tháng, CHXD số 160 (Diễn Đoài) 48m^3/tháng Lãi gộp xăng dầu bình quân 1.147 đ/lít. Lợi nhuận từ kinh doanh xăng dầu 10.336 Trđ.

Sản lượng dầu nhờn bán trực tiếp 143 tấn, đạt 110% KH, tăng 9% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng bán lẻ 79 tấn, đạt 100% KH, giảm 5% so với cùng kỳ; Sản lượng bán buôn 47 tấn đạt 148% KH, tăng 56% so với cùng kỳ; Sản lượng bán nội bộ 17 tấn đạt 91% KH, giảm 4% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh DMN 452 Trđ.

Sản lượng bán gas 471 tấn, đạt 78% KH, giảm 16% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng bán lẻ 152 tấn đạt 68% KH, giảm 27% so với cùng kỳ, bán buôn 319 tấn đạt 83% KH, giảm 10% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh gas -52 Trđ.

* Lĩnh vực đào tạo và sát hạch lái xe:

Số lượng học viên đào tạo 7.451 học viên, đạt 82% KH giảm 30% so với cùng kỳ, trong đó số lượng học viên lái xe ô tô hạng B1, B2 và C 2.874 học viên đạt 94% KH, giảm 9% so với cùng kỳ. Số lượng học viên hạng A1 là 4.577 học viên, đạt 61% KH giảm 24% cùng kỳ. Trong năm, Trung tâm đã tổ chức 15 cuộc thi sát hạch lái xe cho các học viên của Trung tâm và 27 cuộc thi sát hạch cho các Trung tâm bên ngoài, góp phần tạo nên doanh thu thuần 26.373 Trđ đạt 84% KH giảm 3% so với cùng kỳ, Lợi nhuận trước thuế 2.522 Trđ đạt 75% KH và giảm 36% so với cùng kỳ. Năm 2021, số lượng hồ sơ tuyển sinh hiện đang thừa rất nhiều so với lưu lượng được cấp, tuy nhiên công tác đào tạo và sát hạch bị ngưng trệ hoàn toàn do dịch bùng phát và phải thực hiện dãn cách xã hội. Quá trình tổ chức thi khi được nới lỏng dãn cách lại bị giới hạn về số lượng học viên tham gia cũng làm ảnh hưởng đáng kể tới kết quả kinh doanh của Trung tâm.

* Công tác đầu tư:

Công tác đầu tư của Công ty căn cứ theo kế hoạch đầu năm, tổng giá trị đầu tư năm 2021 là 8.601 Trđ đạt 13% KH, 48% so với cùng kỳ. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu lấy từ nguồn vốn ngắn hạn để bù đắp. Công tác đầu tư mặc dù triển khai tích cực nhưng vẫn gặp không ít khó khăn, do thủ tục đầu tư tại các cơ quan Nhà nước còn phức tạp, nhiều vòng, nhiều cơ quan chồng chéo, bên cạnh đó ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên dẫn đến chậm tiến độ làm thủ tục, mất thời gian và tốn kém. Công tác đầu tư thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước và Quy chế đầu tư của Công ty.

* Đánh giá chung:

Mặc dù lợi nhuận một số loại hình kinh doanh vẫn còn chưa đạt như kỳ vọng đặt ra theo kế hoạch và so với cùng kỳ do gặp nhiều khó khăn trước diễn biến của thị trường. Tuy nhiên, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã tích cực triển khai nhiều giải pháp hoàn thành các chỉ tiêu KH, duy trì ổn định Công ty, bảo toàn vốn cổ đông, nâng cao đời sống và thu nhập của cán bộ công nhân viên. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc được thực hiện cơ bản theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

2.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.3.1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Tiến hành tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên vào tháng 4/2021, thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt và thực hiện chi trả vào tháng 6/2021.

- HĐQT giao kế hoạch SXKD tổng hợp năm 2021 cho Công ty

- Thực hiện các thủ tục, công tác đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện nhằm nâng lưu lượng cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS

- Xây dựng và hoàn thiện đề án hợp tác với Công ty CP nhiên liệu bay thuê sân sau văn phòng Công ty làm kho nhiên liệu

- Hoàn thành các thủ tục đầu tư và triển khai thi công các CHXD theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2021 thông qua

- Trong năm HĐQT đã tiến hành họp định kỳ 3 phiên và ban hành 3 nghị quyết.

2.3.2 Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

- Năm 2021 Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông (*doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu, cổ tức*).

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2021 phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Công ty.

2.3.3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Trong năm 2021, BKS được cung cấp thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT, các thành viên BKS được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT.

- BKS phối hợp với ban điều hành rà soát cân đối năng lực vận tải, công nợ phải thu. Hoàn thành báo cáo hoạt động BKS sau khi tiếp thu các ý kiến của HĐQT.

- Tham gia các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm kê quý, năm tại các cửa hàng xăng dầu và kiểm tra định kỳ công tác hoạt động kinh doanh tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS, công tác PCCC, ATVSLĐ&BVMT, đo lường chất lượng, công tác

bán hàng tại các CHXD và phương tiện vận tải, xưởng cơ khí sửa chữa, trung tâm gas và trung tâm cột bơm.

- Đối với cổ đông: trong năm BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Nhìn chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

- Tăng cường công tác quản lý công nợ tại các CHXD, đôn đốc thu hồi các khoản nợ quá hạn dưới 1 năm mới phát sinh tại CHXD, hoàn thiện hồ sơ đối với các khoản nợ trên 3 năm gửi tòa án xét xử. Quy trách nhiệm cá nhân đối với các trường hợp bán hàng cho khách nợ ngoài quỹ tiền mặt, khách nợ không có Hợp đồng, phân loại các khách nợ để làm căn cứ trích lập dự phòng

- Đánh giá thường xuyên năng lực tài chính và tình hình kinh doanh của khách hàng, sản lượng của các hợp đồng có bảo lãnh có đúng cam kết và hiệu quả nhằm xây dựng định mức nợ hợp lý, tránh việc bị chiếm dụng vốn và phụ thuộc khách hàng công nợ.

- Hạn chế tồn quỹ tiền mặt tại các cửa hàng xăng dầu

- Năng suất lao động bán lẻ bình quân năm 2021 là 27 m^3/LĐ, tương đối thấp so với các đơn vị trong ngành, Công ty cần quan tâm sắp xếp, bố trí lao động hợp lý nhằm gia tăng sản lượng, tăng năng suất và cải thiện tiền lương cho người lao động.

- Khai thác năng lực vận tải một cách tối đa, chỉ thực hiện hợp đồng thuê ngoài khi nhu cầu vận tải thực sự cần thiết.

- Xây dựng các phương án nhằm tháo gỡ tình trạng dư thừa năng lực vận tải của các phương tiện chạy Lào khi thị trường Lào đang bị co hẹp.

- Phân tích, đánh giá hiệu quả các tài sản đã đầu tư. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn để có giải pháp sử dụng vốn an toàn và hiệu quả.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra đột xuất, đối chiếu quy trình công ty đã ban hành với các hoạt động thực tế nhằm đảm bảo tốt công tác sản xuất kinh doanh, an toàn PCCC về người và tài sản Công ty

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và cho ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các đơn vị phòng ban, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp, tạo điều kiện giúp

đỡ BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Kính chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc./.

Nơi nhận:
- HĐTV TCty (thay b/cáo);
- HĐQT, Ban GĐ cty;
- Các Cổ đông;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

(Trình ĐHĐCĐ thường niên 2022)

I. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2018;

- Căn Nghị quyết 161-2021/PTX-NQ-ĐHCĐ ngày 19/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông PTS Nghệ Tĩnh;

- Căn cứ Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2021 của Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

- Căn cứ kết quả SXKD thực hiện năm 2021;

II. Số liệu phân phối cụ thể như sau:

2.1 Tổng Lợi nhuận sau thuế năm 2021: 9.106.638.907 đồng

2.2 Phân phối lợi nhuận:

2.2.1. Chi trả cổ tức năm 2021 (cổ tức 10% bằng tiền mặt)

- Số tiền chia cổ tức năm 2021: 5.847.685.000 đồng, chiếm tỷ lệ 64% tổng lợi nhuận sau thuế.

- Mức chia cổ tức năm 2021: 1.000 đồng/Cổ phần

2.2.2. Phân phối hai quỹ khen thưởng, phúc lợi: 325.895.391 đồng, chiếm tỷ lệ 4% tổng lợi nhuận sau thuế.

2.2.3. Phân phối hai quỹ đầu tư phát triển: 2.933.058.516 đồng, chiếm tỷ lệ 32% tổng lợi nhuận sau thuế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PTSNT-BC-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả lương, thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2021;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022 của PTS Nghệ Tĩnh;

Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả lương, thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2022, như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS:

* Tổng Quỹ tiền lương và thù lao của HĐQT năm 2022 tối đa được hưởng là: 1.593.900.000 đồng.

* Tổng Quỹ tiền lương và thù lao của BKS năm 2022 tối đa được hưởng là: 521.400.000 đồng.

(Có phương án chi tiết trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2022 kèm theo)

2. Phương thức trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS Công ty năm 2022: Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ Công ty năm 2023 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét, thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PTSNT-BC-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Về việc quyết toán QTL và thù lao của các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2021;

Căn Nghị quyết 161-2021/PTX-NQ-ĐHCĐ ngày 19/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông PTS Nghệ Tĩnh về việc thông qua phương án về trả lương, thu lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của PTS Nghệ Tĩnh;

Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh kính trình ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2021 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2021. Theo đó, tổng quỹ tiền lương và thù lao của HĐQT năm 2021 là: **1.619.016.000 đồng.**

2. Mức lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2021. Theo đó, tổng quỹ tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 là: **529.616.000 đồng.**

(Có phương án cụ thể về quyết toán QTL và thù lao đối với của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS kèm theo).

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Tổng Công ty Dịch Vụ Xăng dầu Petrolimex
Công ty PTS Nghệ Tĩnh

Mẫu số B01 - DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	**11**	**100**		**45,639,486,080**	**48,145,530,017**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**111**	**110**		**3,419,954,682**	**2,271,347,594**
1.Tiền	1111	111	V.1	3,419,954,682	2,271,347,594
2. Các khoản tương đương tiền	1112	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**112**	**120**			
1. Chứng khoán kinh doanh	1121	121	V.2.a		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh dc	1122	122	V.2.a		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1123	123	V.2.b1		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**113**	**130**		**14,534,983,978**	**25,773,170,688**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1131	131	V.3.a	8,356,331,169	23,605,904,088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1132	132		3,153,570,072	138,952,666
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1133	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	1134	134		0	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1135	135	V.2.b1	0	
6. Phải thu ngắn hạn khác	1136	136	V.4.a	4,031,942,539	3,157,384,910
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	1137	137	V.4.a	(1,006,859,802)	(1,129,070,976)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	1138	139	V.5	0	
IV. Hàng tồn kho	**114**	**140**	**V.7**	**23,494,797,423**	**15,314,492,821**
1. Hàng tồn kho	1141	141		23,494,797,423	15,314,492,821
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	1142	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**115**	**150**		**4,189,749,997**	**4,786,518,914**
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	1151	151	V.13.a	3,909,843,591	4,616,778,138
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1152	152		279,906,406	145,823,424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nu	1153	153	V.17.b	0	23,917,352
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính p	1154	154		0	
5. Tài sản ngắn hạn khác	1155	155	V.14.a	0	
B. Tài sản dài hạn	**12**	**200**		**146,698,842,590**	**172,924,455,485**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**121**	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	1211	211	V.3.b		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	1212	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	1213	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	1214	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	1215	215	V.2.b2		
6. Phải thu dài hạn khác	1216	216	V.4.b		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	1217	219	V.4.b		
II. Tài sản cố định	**122**	**220**		**134,067,084,518**	**155,885,286,544**

1. Tài sản cố định hữu hình	1221	221	V.9	131,835,185,676	153,710,925,961
- Nguyên giá	12211	222		326,017,592,363	321,890,567,684
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	12212	223		(194,182,406,687)	(168,179,641,723)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	1222	224	V.11		
- Nguyên giá	12221	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	12222	226			
3. Tài sản cố định vô hình	1223	227	V.10	2,231,898,842	2,174,360,583
- Nguyên giá	12231	228		4,159,235,000	3,753,235,000
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	12232	229		(1,927,336,158)	(1,578,874,417)
III. Bất động sản đầu tư	**123**	**230**	**V.12**		
- Nguyên giá	1231	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	1232	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**124**	**240**	**V.8**	**5,038,675,141**	**4,378,811,145**
1. Chi phí SX, kinh doanh dở dang dài hạn	1241	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1242	242		5,038,675,141	4,378,811,145
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**125**	**250**			
1. Đầu tư vào công ty con	1251	251	V.2c		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1252	252	V.2c		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1253	253	V.2c		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	1254	254	V.2c		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1255	255	V.2.b2		
VI. Tài sản dài hạn khác	**126**	**260**		**7,593,082,931**	**12,660,357,796**
1. Chi phí trả trước dài hạn	1261	261	V.13.b	7,593,082,931	12,660,357,796
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1262	262	V.24.a		
3. Thiết bị,vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1263	263	V.7		
4. Tài sản dài hạn khác	1264	268	V.14.b		
5. Lợi thế thương mại	1265	269	V.13.c		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**1**	**270**		**192,338,328,670**	**221,069,985,502**
C. Nợ phải trả	**21**	**300**		**112,445,063,146**	**145,454,866,962**
I. Nợ ngắn hạn	**211**	**310**		**110,124,063,146**	**143,083,866,962**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	21101	311	V.16.a	17,977,854,867	93,695,553,728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21102	312		6,725,726,082	8,108,089,212
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21103	313	V.17.a	772,364,360	397,909,696
4. Phải trả người lao động	21104	314		11,496,364,312	10,780,380,825
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21105	315	V.18.a	65,472,601	32,078,091
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	21106	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	21107	317		0	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21108	318	V.20.a	0	
9. Phải trả ngắn hạn khác	21109	319	V.19.a	4,718,951,142	1,242,937,883
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21110	320	V.15.a	67,500,000,000	27,931,876,668
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21111	6	V.23.a	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21112	322		867,329,782	895,040,859
13. Quỹ bình ổn giá	21113	393	123	0	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính	21114	386	86	0	
II. Nợ dài hạn	**212**	**254**		2,321,000,000	2,371,000,000

1. Phải trả người bán dài hạn	2121	121	-190		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	2122	407	95		
3. Chi phí phải trả dài hạn	2123	404	91		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	2124	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	2125	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2126	336	V.20.b		
7. Phải trả dài hạn khác	2127	337	V.19.b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2128	338	V.15.b	2,321,000,000	2,371,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	2129	339	V.21.2		
10. Cổ phiếu ưu đãi	2130	340	V.22		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2131	341	V.24.b		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	2132	342	V.23.b		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	2133	343			
D. Vốn chủ sở hữu	**22**	**400**		**79,893,265,524**	**75,615,118,540**
I. Vốn chủ sở hữu	**221**	**410**	**V.25**	**79,893,265,524**	**75,615,118,540**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	22101	411		58,476,850,000	58,476,850,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	221011N	411a		58,476,850,000	58,476,850,000
- Cổ phiếu ưu đãi	221012N	411b		0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	22102	412		326,109,150	326,109,150
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	22103	413		0	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	22104	414		0	
5. Cổ phiếu quỹ (*)	22105	415		0	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	22106	416		0	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22107	417		0	
8. Quỹ đầu tư phát triển	22108	418		11,983,667,467	11,633,868,314
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	22109	419		0	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22110	420		0	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22111	421		9,106,638,907	5,178,291,076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	221111N	421a		0	430,000
- LNST chưa phân phối kỳ này	221112N	421b		9,106,638,907	5,177,861,076
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	22112	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22113	429			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**222**	**430**	**V.28**		
1. Nguồn kinh phí	2221	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2222	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+	**2**	**440**		**192,338,328,670**	**221,069,985,502**

Lập, ngày 22 tháng 01 Năm 2022

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Tổng Công ty Dịch Vụ Xăng dầu Petrolimex

Công ty PTS Nghệ Tĩnh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Quý 4	
				Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2111	01	VI.1	372,939,934,663	228,956,733,742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2112	02	VI.2	0	0
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10	2113	10		372,939,934,663	228,956,733,742
4. Giá vốn hàng bán	2114	11	VI.3	345,892,228,350	203,375,496,300
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=	2115	20		27,047,706,313	25,581,237,442
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2116	21	VI.4	70,806,378	8,118,964
7. Chi phí tài chính	2117	22	VI.5	1,319,654,551	2,009,151,147
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2117N	23		708,407,468	454,836,404
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	2118	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	2119	25	VI.8	14,706,162,952	14,874,326,580
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2120	26	VI.8	5,916,228,788	6,443,228,282
11. LN thuần từ hoạt động KD (30=20+21-22+24	2121	30		5,176,466,400	2,262,650,397
12. Thu nhập khác	2122	31	VI.6	273,148,122	223,050,669
13. Chi phí khác	2123	32	VI.7	2,476,247	26,951,014
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	2124	40		270,671,875	196,099,655
15. Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	2125	50		5,447,138,275	2,458,750,052
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2126	51	VI.10	1,028,379,287	485,225,729
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2127	52	VI.11	0	0
18. LN sau thuế TNDN (60=50-51-52)	2128	**60**		**4,418,758,988**	**1,973,524,323**
19. LNST của cổ đông Công ty mẹ	2129	61		4,418,758,988	2,693,214,257
20. LNST của cổ đông không kiểm soát (62=60-6	2130	62		0	0
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2131	70		756	337
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	2132	71			

L

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

Đơn vị tính : VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	**Năm trước**
1,226,912,015,199	930,583,423,238
0	0
1,226,912,015,199	930,583,423,238
1,125,829,000,625	838,874,986,415
101,083,014,574	91,708,436,823
108,455,368	65,889,151
5,805,140,965	8,803,199,366
2,236,237,556	7,160,265,255
	0
60,441,303,838	53,147,450,877
23,855,040,804	23,564,212,490
11,089,984,335	6,259,463,241
342,616,312	366,086,532
15,148,488	116,156,584
327,467,824	249,929,948
11,417,452,159	6,509,393,189
2,310,813,252	1,331,532,113
9,106,638,907	**5,177,861,076**
9,106,638,907	5,177,861,076
0	0
1,557	885

ập, ngày 22 tháng 01 Năm 2022

Giám đốc

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX *Phụ biểu 02 - M08*

CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH

QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2021:

- Lợi nhuận sau thuế: 9.107 Triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu bình quân: 76.584 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 11,9 %

* Yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (nếu có)

B. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021

ĐVT: đồng

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức lương/ thù lao cơ bản (đ/th)	Mức lương/ thù lao kế hoạch (đ/th)	Số tháng thực hiện	Quỹ lương, thù lao kế hoạch (đ)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(3)x(5)x(6)*	*(8)*
I	**Hội đồng quản trị**					**1,619,016,000**	
1	***Chủ tịch HĐQT***					**553,080,000**	
-	Chủ tịch HĐQT	1	33,000,000	46,090,000	12	553,080,000	
2	***Thành viên HĐQT***					**1,065,936,000**	
-	Giám đốc Công ty	1	30,000,000	41,900,000	12	502,800,000	
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	1	24,000,000	33,520,000	12	402,240,000	
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	4,800,000	6,704,000	12	80,448,000	
-	Thành viên độc lập	1	4,800,000	6,704,000	12	80,448,000	
II	**Ban Kiểm soát**					**529,616,000**	
1	***Trưởng ban Kiểm soát***					**402,240,000**	
-	Chuyên trách	1	24,000,000	33,520,000	12	402,240,000	
2	***Thành viên Ban Kiểm soát***					**127,376,000**	
-	Kiêm nhiệm	2	3,800,000	5,307,333	12	127,376,000	
III	**Ban điều hành**					**402,240,000**	
-	Phó giám đốc	1	24,000,000	33,520,000	12	402,240,000	

LẬP BIỂU **P. KẾ TOÁN** **TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN**

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX *Phụ biểu 02 - M08*

CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH

KẾ HOẠCH QŨY TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2022:

- Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch: 6.909 Triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu kế hoạch bình quân: 77.000 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu theo kế hoạch: 9 %

* Yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (nếu có)

B. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022

ĐVT: đồng

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức lương/ thù lao cơ bản (đ/th)	Mức lương/ thù lao kế hoạch (đ/th)	Số tháng thực hiện	Quỹ lương, thù lao kế hoạch (đ)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(3)x(5)x(6)*	*(8)*
I	**Hội đồng quản trị**					**1,593,900,000**	
1	***Chủ tịch HĐQT***					**544,500,000**	
-	Chủ tịch HĐQT	1	33,000,000	45,375,000	12	544,500,000	
2	***Thành viên HĐQT***					**1,049,400,000**	
-	Giám đốc Công ty	1	30,000,000	41,250,000	12	495,000,000	
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	1	24,000,000	33,000,000	12	396,000,000	
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	4,800,000	6,600,000	12	79,200,000	
-	Thành viên độc lập	1	4,800,000	6,600,000	12	79,200,000	
II	**Ban Kiểm soát**					**521,400,000**	
1	***Trưởng ban Kiểm soát***					**396,000,000**	
-	Chuyên trách	1	24,000,000	33,000,000	12	396,000,000	
2	***Thành viên Ban Kiểm soát***					**125,400,000**	
-	Kiêm nhiệm	2	3,800,000	5,225,000	12	125,400,000	
III	**Ban điều hành**					**792,000,000**	
-	Phó giám đốc	2	24,000,000	33,000,000	12	792,000,000	

LẬP BIỂU **P. KẾ TOÁN** **TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN**